

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 000147, do Sở Y tế Thái Bình cấp, cấp ngày 31/12/2013.

Địa chỉ: số 530A, Đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Đỗ Văn Cân

Điện thoại liên hệ: 0988424855.

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện Phụ Sản Thái Bình công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh bác sỹ:

+ Bác sỹ y khoa, y đa khoa, sản phụ khoa, Sơ sinh, Chẩn đoán hình ảnh, Gây mê hồi sức, xét nghiệm, Y học dự phòng ...

+ Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Bác sĩ CKI, Bác sĩ CKII, Bác sỹ nội trú, Thạc sỹ sản phụ khoa;

- Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh dược sỹ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên.

- Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với các chức danh chuyên môn khác theo chức năng nhiệm vụ của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Phụ lục 1). Mỗi người hướng dẫn thực hành hướng dẫn tối đa 5 người tại cùng một thời điểm.

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng với các cơ sở thực hành khác
- Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành giữa trường Cao đẳng Y Thái Bình và Bệnh viện Phụ sản Thái Bình.
 - Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành giữa trường Đại học Y – Dược Thái Bình và Bệnh viện Phụ sản Thái Bình.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 2000 người.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành theo quy định của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình như sau:

- Đối với bác sỹ: 1.800.000 Đồng/Tháng.
- Đối với dược sỹ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên: 1.500.000 Đồng/Tháng.
- Đối với với các đối tượng khác theo nhu cầu xã hội: 900.000 Đồng/Tháng
- Đối với sinh viên, học viên từ các cơ sở đào tạo, các nhà trường kinh phí đào tạo thực hành theo hợp đồng chi tiết.

Bệnh viện cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố. Kính đề nghị Sở Y tế tỉnh Hưng Yên xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./. #



GIÁM ĐỐC

Giang Hoài Nam

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH

(Kèm theo Công văn số: 658/CV-BVPSTB ngày 09/10/2025 của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình)

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
I	BAN LÃNH ĐẠO				
1	Giang Hoài Nam	002101/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	Tiến sĩ – bác sỹ CKII	Giám đốc
2	Phan Thị Thu Huyền	000757/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Phó Giám đốc
3	Đỗ Văn Cán	002289/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Phó Giám đốc phụ trách chuyên môn
4	Đoàn Duy Cường	0005221/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Bác sỹ CKII	Phó Giám đốc
II	PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP- PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG – PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
5	Trần Hải Bình	005240/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (kèm theo quyết định số: 04/QĐ-SYT ngày 04/1/2016 về điều chỉnh bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa)	Bác sỹ CKII	Phó phòng
6	Ngô Xuân Thành	006566/TB-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	Bác sỹ	Bác sỹ dự phòng
7	Đỗ Đức Vinh			Thạc sỹ CNTT	Phụ trách phòng
8	Nguyễn Đức Nhân			Thạc sỹ CNTT	Nhân viên CNTT
III	PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ - PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ				
9	Phạm Quốc Phong			CN Luật	Trưởng phòng HCQT

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
10	Bùi Thị Lan Anh			CN Hành chính	Phụ trách phòng TCCB
IV	PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN				
11	Phạm Thị Thu Hiền			DH Kế toán	Trưởng phòng
12	Đỗ Tuấn Anh			Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng
13	Bùi Thị Thanh Nga			DH Kế toán	Phó Trưởng phòng
V	PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG				
14	Bùi Hải Yến	002325/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Trưởng phòng
15	Phạm Trần Hạnh	002405/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Phó phòng
VI	KHOA KHÁM BỆNH				
16	Trần Thị Thu Hà	002267/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa
17	Nguyễn Thị Chung	000742/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản (kèm theo Quyết định số: 197/QĐ-BVPS ngày 19/02/2024 thực hiện một số các kỹ thuật chuyên khoa Ung bướu)	Bác sỹ CKII	Phó khoa
18	Phạm Thị Lan Phương	002307/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Điều dưỡng trưởng
19	Tạ Thị Giang	002311/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh Đại học	Hộ sinh

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
20	Tô Thị Loan	002415/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh
VII KHOA ĐẸ - KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU					
21	Vũ Thị Lan	002287/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa HSCC
22	Nguyễn Quang Tuyền	002286/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản. (+ kèm quyết định số 595/QĐ-SYT ngày 15/6/2018 về điều chỉnh bổ sung phạm vi : Siêu âm chẩn đoán trong sản phụ khoa + kèm theo Quyết định số 198/QĐ-BVPS ngày 19/02/2024 thực hiện các kỹ thuật chuyên khoa Ung bướu)	Bác sỹ CKII	Phụ trách khoa Đẻ
23	Nguyễn Đức Thiêm	007847/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (kèm theo Quyết định: 457/QĐ-SYT ngày 03/5/2019 v/v điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh: Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa)	Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
24	Nguyễn Văn Đức	005576/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
25	Phạm Thị Thanh	002414/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh Cao đẳng	Hộ sinh

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
26	Lê Thị Thêm	002315/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	Hộ sinh đại học	Điều dưỡng trưởng
27	Hà Hải Yến	002387/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	Hộ sinh Đại Học	Hộ sinh
28	Đinh Văn Hoành	0010035/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa.	Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
29	Lê Hải Dương	000850/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
30	Bùi Minh Tiến	0010613/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Trần sĩ – Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
31	Nguyễn Trung Kiên	0010036/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
VIII KHOA SẢN 1					
32	Trần Xuân Hiệp	002266/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa
33	Trần Thị Thu Hương	002547/TB-CCHN	khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Thạc sỹ - Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
34	Phạm Thị Xuân	002282/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
35	Phạm Thị Liễu	002385/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Điều dưỡng trưởng
36	Vũ Thị Huyền Nga	030265/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ - bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
37	Bùi Thị Thanh Tuyền	0010043/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ - bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
38	Nguyễn Đăng Kiên	034435/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa	Tiến sỹ - Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
39	Trần Thị Huệ	0003330/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
40	Lưu Thị Mỹ Hoa	010307/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Bác sỹ Nội trú - CKI	Bác sỹ Sản Phụ khoa
IX	KHOA PHỤ 1 + KHOA PHỤ 2				
41	Phan Thị Ngọc Bích	000069/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa
42	Nguyễn Viết Tuyết	002279/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản (kèm theo Quyết định số: 199/QĐ-BVPS ngày 19/02/2024 thực hiện một số các kỹ thuật chuyên khoa Ung bướu)	Bác sỹ CKII	Phó khoa
43	Vũ Mạnh Cường	002280/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Phó khoa
44	Phí Thị Thu	002425/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh Đại học	Điều dưỡng trưởng
45	Phan Thị Hạnh	005834/TB-CCHN	Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Hộ sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/20215/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hộ sinh CKI	Điều dưỡng trưởng
46	Nguyễn Thị Hải Vân	002392/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh Đại học	Hộ sinh
47	Đoàn Hương Giang	002416/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
X	KHOA SẢN 2				
48	Phí Ngọc Chung	000021/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa
49	Nguyễn Thị Thanh Thủy	002406/TB-CCHN		Hộ sinh CKI	Điều dưỡng trưởng
50	Đặng Thị Việt Hằng	010040/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ - Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
51	Phạm Thị Thùy Dương	030264/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ - Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
52	Nguyễn Văn Hiền	0010600/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Bác sỹ CKII	Bác sỹ Sản Phụ khoa
53	Phạm Thị Quỳnh Như	0028254/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ - Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
54	Phạm Thị Bích	0027204/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Thạc sỹ - Bác sỹ	Bác sỹ Sản Phụ khoa
XI	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
55	Nguyễn Ngọc Vững	002270/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán Siêu âm (kèm theo quyết định số 26/QĐ-SYT ngày 11/01/2018 bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh)	Bác sỹ CKII	Phó khoa Chẩn đoán hình ảnh
56	Đỗ Quang Trung	005607/TB-CCHN	khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (Kèm theo quyết định số: 17/QĐ-SYT ngày 04/01/2019 về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn về Chẩn đoán hình ảnh - Thực hiện kỹ thuật sinh thiết chọc hút khối u dưới hướng dẫn của siêu âm)	Bác sỹ CKII	Bác sỹ khoa Chẩn đoán hình ảnh

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
57	Trần Như Tuấn	005218/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật viên Đại học	Kỹ thuật viên
XII	KHOA SƠ SINH				
58	Đình Thị Ân	002749/TB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Sơ sinh	Bác sỹ CKI	Trưởng khoa
59	Bùi Thị Thủy Diệp	005595/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (kèm theo Quyết định 29/QĐ-SYT ngày 11/01/2018 v/v điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên khoa khám, chẩn đoán và điều trị bệnh lý thông thường ở trẻ sơ sinh)	Bác sỹ CKI	Bác sỹ sơ sinh
60	Trần Thị Thắm	002275/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi - sơ sinh	Bác sỹ CKI	Phó khoa khoa
61	Đào Thị Việt Hà	002326/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Điều dưỡng trưởng
62	Lê Thị Nguyệt	002390/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh
63	Phạm Thị Hoài	0005231/TB-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh Đại học	Hộ sinh
XIII	KHOA XÉT NGHIỆM				
64	Vũ Thị Ngân	002269/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa
65	Nguyễn Thị Hoa	005212/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (kèm theo quyết định số 07/QĐ-SYT ngày 04/1/2016 về điều chỉnh bổ sung phạm	Bác sỹ CKI	Bác sỹ khoa Xét nghiệm

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
			vị hoạt động chuyên môn: Chuyên khoa xét nghiệm Huyết học - Hóa sinh - Giải phẫu bệnh)		
66	Phạm Thị Don	0005213/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (kèm theo quyết định số 157/QĐ-SYT ngày 26/02/2020 về điều chỉnh bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Chuyên khoa xét nghiệm Giải phẫu bệnh: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Giải phẫu bệnh)	Bác sỹ CKI	Bác sỹ khoa Xét nghiệm
67	Lê Hữu Thuýết	0005222/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật viên Đại học	Điều dưỡng trưởng
68	Nguyễn Thị Vân Chi	002435/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của Kỹ thuật viên Xét nghiệm	Cao đẳng Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên
XIV KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC					
69	Nguyễn Thị Thu Huyền	002931/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Bác sỹ CKII	Phụ trách khoa
70	Tô Đình Sáu	001061/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại (kèm theo Quyết định: 111/QĐ-SYT ngày 29/01/2015 v/v điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên khoa Gây mê hồi sức (Khám bệnh, chữa bệnh Gây mê hồi sức	Bác sỹ CKI	Bác sỹ Gây mê hồi sức
71	Nguyễn Thị Lanh	002286/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV, ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng trưởng
72	Nguyễn Thanh Tùng	002303/TB-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động	Đại học Điều	Điều dưỡng

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
73	Hà Quý Cao	002440/TB-CCHN	chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV, ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Đại học Điều dưỡng	Kỹ thuật viên
XV	KHOA HỖ TRỢ SINH SẢN				
74	Đinh Thị Oanh	002273/TB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bác sỹ CKII	Trưởng khoa
75	Lê Thị Thu Hương	002308/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Hộ sinh trưởng
76	Vũ Đình Hiệp	005574/TB-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Đại học	kỹ thuật viên
XVI	PHÒNG CÔNG TÁC XÃ HỘI				
77	Phan Thị Bạch Tuyết	000765/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Hộ sinh CKI	Trưởng phòng
XVII	KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN				
78	Vũ Thị Thu Hương	000730/TB-CCHN	Đủ tiêu chuẩn hành nghề được các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	Dược sỹ CKI	Trưởng khoa
79	Phạm Thị Thu Hiền	002751/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	Đại học Điều dưỡng	Điều dưỡng trưởng

Số TT	Họ và tên	Số CCHN đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chức danh	Vị trí chuyên môn
XVIII	KHOA DINH DƯỠNG, TIẾT CHẾ				
80	Phạm Quỳnh Anh	006338/TB-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	Thạc sĩ - Bác sĩ	Trưởng khoa
XIX	KHOA DƯỢC				
81	Nguyễn Thị Hà	001902/CCHN-D-SYT-TB	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc	Dược sĩ CKI	Trưởng khoa
82	Bùi Việt Hà	000106/TB-CCHN	Đủ tiêu chuẩn hành nghề được các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	Dược sĩ CKI	Phó khoa
XX	PHÒNG VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ				
83	Hoàng Công Dũng			Thạc sĩ kỹ thuật Y sinh	Trưởng phòng

Tổng: 83 người



CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

STT	Chương trình đào tạo liên tục, tài liệu	Đối tượng học viên	Thời gian
1	Thực hành bác sỹ sản phụ khoa 09 tháng	Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ chuyên khoa phụ sản	09 tháng
2	Siêu âm sản phụ khoa cơ bản	Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ chuyên khoa phụ sản	03 tháng
3	Thực hành lâm sàng sản nữ hộ sinh 03 tháng	Nữ hộ sinh, điều dưỡng sản khoa	03 tháng
4	Thực hành lâm sàng điều dưỡng 03 tháng	Điều dưỡng	03 tháng
5	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề nữ hộ sinh	Nữ hộ sinh, điều dưỡng sản khoa	05 tháng
6	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề điều dưỡng	Điều dưỡng	05 tháng
7	Thực hành lâm sàng Dược	Dược sỹ	18 tháng
8	Kỹ thuật mổ lấy thai	Bác sỹ chuyên khoa phụ sản	03 tháng
9	Điều trị sản bệnh	Bác sỹ chuyên khoa phụ sản	03 tháng
10	Phẫu thuật nội soi phụ khoa cơ bản	Bác sỹ chuyên khoa phụ sản, chuyên khoa ngoại	03 tháng
11	Kỹ thuật bơm tinh trùng vào buồng tử cung	Bác sỹ chuyên khoa phụ sản	03 tháng
12	Kỹ thuật soi – đốt cổ tử cung	Bác sỹ chuyên khoa phụ sản	03 tháng
13	Hội sức cấp cứu sơ sinh	Bác sỹ chuyên khoa phụ sản, chuyên khoa Sơ sinh, Điều dưỡng, nữ hộ sinh	03 tháng
14	Đỡ đẻ an toàn	Nữ hộ sinh, điều dưỡng sản khoa	03 tháng
15	Kỹ thuật gây mê trong phẫu thuật nội soi phụ khoa	Bác sỹ chuyên khoa Gây mê gòì sức	03 tháng
16	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hành nghề bác sỹ y khoa	Bác sỹ đa khoa, bác sỹ y khoa	12 tháng
17	Thực hành lâm sàng phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn, bán phần	Bác sỹ sản phụ khoa, Bác sỹ khoa sản các bệnh viện các tuyến	03 tháng

18	Thực hành lâm sàng phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn, bán phần	Bác sỹ sản phụ khoa, Bác sỹ khoa sản các bệnh viện các tuyến có chứng chỉ nội soi cơ bản	06 tháng
19	Thực hành lâm sàng phẫu thuật Crossen	Bác sỹ sản phụ khoa, Bác sỹ khoa sản các bệnh viện các tuyến	03 tháng
20	Chương trình và tài liệu hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa - sơ sinh cho đối tượng Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa, bác sỹ y khoa	01 tháng

SỞ Y TẾ TỈNH HUNG YÊN
BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THÁI BÌNH



PHỤ LỤC GIƯỜNG BỆNH KẾ HOẠCH

(Kèm theo bản Công bố số 58./CB-BVPSTB ngày 09/10/2025

của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình)

STT	Tên Khoa, phòng tổ chức thực hành	Số giường bệnh
1	Phòng Kế hoạch tổng hợp	0
2	Phòng Tổ chức cán bộ	0
3	Phòng Tài chính kế toán	0
4	Phòng Hành chính, quản trị	0
5	Phòng Điều dưỡng	0
6	Phòng Quản lý chất lượng	0
7	Phòng Công nghệ thông tin	0
8	Phòng Công tác xã hội	0
9	Phòng Vật tư – Thiết bị y tế	0
10	Khoa Hồi sức cấp cứu	15
11	Khoa Đẻ	25
12	Khoa Gây mê hồi sức	30
13	Khoa Sơ sinh	20
14	Khoa Phụ 1	55
15	Kho Phụ 2	65
16	Khoa Sản 1	70
17	Khoa Sản 2	165
18	Khoa Khám	0
19	Khoa Xét nghiệm	0
20	Khoa Chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng	0
21	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	0
22	Khoa dinh dưỡng, tiết chế	0
23	Khoa Dược	0
24	Trung tâm chẩn đoán sàng lọc trước sinh và sơ sinh	0
25	Trung tâm Hỗ trợ sinh sản	5
	Tổng cộng	450

BẢN KÊ KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ
(Kèm theo bản Công bố số 58/CB-BVPSTB ngày 09/10/2025
của Bệnh viện Phụ sản Thái Bình)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Phụ sản Thái Bình.
2. Địa chỉ: số 530A, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên
3. Điện thoại: 0227.3832.057
4. Quy mô: 450 giường bệnh kế hoạch; 442 giường bệnh thực kê.

II. TỔ CHỨC:

1. Hình thức tổ chức: Bệnh viện Phụ sản.

2. Cơ cấu tổ chức:

2.1. Các Trung tâm gồm 02 Trung tâm:

1. Trung tâm Hỗ trợ sinh sản;
2. Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

2.2. Các khoa lâm sàng:

1. Khoa Khám bệnh;
2. Khoa Sản 1;
3. Khoa Sản 2 ;
4. Khoa Phụ;
5. Khoa Phụ 2;
6. Khoa Hồi sức cấp cứu;
7. Khoa Đẻ;
8. Khoa Sơ sinh;
9. Khoa Gây mê hồi sức;

2.3. Các khoa cận lâm sàng:

1. Khoa Xét nghiệm;
2. Khoa Chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng ;
3. Khoa Dược;
4. Khoa Dinh dưỡng, Tiết chế;
5. Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

2.4. Các phòng chức năng

1. Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
2. Phòng Tổ chức cán bộ;
3. Phòng Điều dưỡng;

4. Phòng Vật tư- Thiết bị y tế;
5. Phòng Tài chính kế toán;
6. Phòng Công tác xã hội;
7. Phòng Quản lý chất lượng;
8. Phòng Hành chính Quản trị;
9. Phòng Công nghệ thông tin.



III. Thiết bị y tế

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	9	8
I	Khoa Chẩn đoán hình ảnh							
1	Máy X-quang kỹ thuật số	Essenta DR	Philips	Germany	2013	2013	1	Tốt
2	Máy siêu âm Doppler màu 4D-4 đầu dò VOLUSON	S10	GE	Hàn Quốc	2019	2019	2	Tốt
3	Máy siêu âm Doppler 3 đầu dò	LogiQS7	GE	Mỹ	2017	2017	1	Tốt
4	Máy siêu âm màu 4D	P25	Medisono	Mỹ	2019	2019	1	Tốt
5	Máy siêu âm màu 4D	P25	Medisono	Mỹ	2019	2019	1	Tốt
6	Máy siêu âm màu 4D	P25	Medisono	Mỹ	2016	2016	1	Tốt
7	Máy siêu âm Doppler 4D	HS40	Samsung Medison	Hàn Quốc	2022	2022	1	Tốt
8	Máy đo loãng xương	DEXXUMT	Medical Econet	Hàn Quốc	2013	2013	1	Tốt
9	Máy điện tim 6 cần	ECG-1250X	Nihon Kohden	Nhật Bản	2018	2018	1	Tốt
10	Máy X-quang nhũ ảnh kỹ thuật số Mammo	DMX-600	Genoray	Hàn Quốc	2019	2019	1	Tốt
11	Máy rửa phim	DRYSTAR5302	Philips	Germany	2013	2013	1	Tốt
12	Máy X-Quang kỹ thuật số chụp tổng quát	DigiRAD-FP	Sitec Medical Co.,Ltd	Hàn Quốc	2024	2024	1	Tốt
13	Máy siêu âm sản khoa	Voluson E6	GE	Áo	2025	2025	2	Tốt
14	Máy siêu âm tim	Affiniti 70	Philips	Mỹ	2025	2025	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
			Ultrasound					
15	Máy điện tim 6 cần	ECG-1250X	Nihon Kohden	Nhật Bản	2025	2025	2	Tốt
II Khoa Phụ								
16	Máy Plasma Med	Plasma	Plasma Med	Việt Nam	2020	2020	1	Tốt
17	Máy soi khám cổ tử cung	Leisegang	Leisegang	Germany	2017	2017	1	Tốt
18	Máy cắt LEEP	LEEP PRECISION	CooperSurgical	USA	2025	2025	1	Tốt
III Khoa Sản 1								
19	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Hàn Quốc	2016	2016	2	Tốt
20	Monitor sản khoa	BT350L	Bistos	Hàn Quốc	2019	2019	1	Tốt
21	Monitor sản khoa	BT350L	Bistos	Hàn Quốc	2020	2020	1	Tốt
22	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Hàn Quốc	2023	2023	2	Tốt
23	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Hàn Quốc	2025	2025	5	Tốt
IV Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn								
24	Tủ sấy	MOV3138	Sanyo	Japan	2003	2003	2	Tốt
25	Máy rửa dụng cụ	WD230	Belimed	Switzerland	2013	2013	1	Tốt
26	Máy sấy công nghiệp	T5675	Electrolux	Thái Lan	2014	2014	1	Tốt
27	Máy giặt vắt công nghiệp	ULL060KNVP	Unimax	USA	2017	2017	1	Tốt
28	Máy giặt vắt công nghiệp	ULL060KNVP12EV2	Unimax	USA	2017	2017	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
29	Máy giặt vắt công nghiệp	ULL060KNVP12E01	Unimax	USA	2018	2018	1	Tốt
30	Máy giặt vắt công nghiệp	DLS-60 TOUCH II E	Domus	Tây Ban Nha	2022	2022	1	Tốt
31	Máy giặt vắt công nghiệp	DLS-60 TOUCH II E	Domus	Tây Ban Nha	2022	2022	1	Tốt
32	Máy hấp tiết trùng 2 cửa	SC500E-2	Matchana	Tây Ban Nha	2018	2018	1	Tốt
33	Máy hấp tiết trùng 2 cửa	HA500DR	Hasaky	Việt Nam	2019	2019	1	Tốt
34	Máy sấy công nghiệp	UT050ERMM161W	Unimax	USA	2004	2004	1	Tốt
35	Máy sấy công nghiệp	T5675	Electrolux	Thái Lan	2014	2014	1	Tốt
36	Máy sấy công nghiệp	UT075EREM132W03	Unimax	USA	2017	2017	1	Tốt
37	Máy sấy công nghiệp	DTT-60 E ECO-ENERGY	Domus	Tây Ban Nha	2022	2022	1	Tốt
38	Nồi hấp tiết trùng	TC600	Medsource	Taiwan	2003	2003	1	Tốt
39	Nồi hấp tiết trùng	TC612	Gemmy Industrial Corp	Taiwan	2012	2012	1	Tốt
40	Thiết bị rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm	DT1050CH	BANDELIN electronic GmbH & Co.KG	Đức	2024	2024	1	Tốt
41	Máy tiệt khuẩn nhiệt độ cao	1008E-2	Antonio Matachana S.A	Tây Ban Nha	2024	2024	1	Tốt
V	Khoa Gây mê Hồi sức							

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
42	Máy gây mê kèm thở	7100	Datex Ohmeda	USA	2013	2013	1	Tốt
43	Máy gây mê kèm thở	Fabins Plus	Drager	Đức	2013	2013	2	Tốt
44	Máy gây mê kèm thở	9100MXT	Ohmeda	China	2019	2019	1	Tốt
45	Máy gây mê kèm thở	Fabins Plus	Drager	Đức	2020	2020	1	Tốt
46	Máy gây mê kèm thở	9100c NXT	Datex Ohmeda	China	2022	2022	2	Tốt
47	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-3562	Nihon Kohden	Nhật Bản	2017	2017	2	Tốt
48	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-3562	Nihon Kohden	Nhật Bản	2018	2018	4	Tốt
49	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-3562	Nihon Kohden	Nhật Bản	2015	2015	2	Tốt
50	Monitor theo dõi bệnh nhân	MP-70	Phillip	Đức	2013	2013	2	Tốt
51	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM3562	Nihon Kohden	Nhật Bản	2021	2021	3	Tốt
52	Monitor theo dõi bệnh nhân	PVM 2701	Nihon Kohden	Nhật Bản	2012	2012	1	Tốt
53	Bơm tiêm điện	HP30	Medcaptain	China	2018	2018	9	Tốt
54	Bơm tiêm điện	TE-SS700	Terumo	Nhật Bản	2014	2014	2	Tốt
55	Bơm tiêm điện	TE-SS700	Terumo	Nhật Bản	2018	2018	2	Tốt
56	Bơm tiêm điện	HP30	Medcaptain	China	2019	2019	4	Tốt
57	Bơm tiêm điện	TE332	Terumo	Nhật Bản	2013	2013	2	Tốt
58	Dao mổ điện	Excell 200MCDS	Alsa	Italy	2013	2013	1	Tốt
59	Dao mổ điện	Excell 400/AMCDS	Alsa	Italy	2013	2013	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
60	Dao mổ điện	Excell MHP350/D	Alsa	Italy	2013	2013	1	Tốt
61	Dao mổ điện	Electro Surgery	Long Phương	Việt Nam	2010	2010	1	Tốt
62	Dao mổ điện cao tần	KLS Martin	Martin	Đức	2022	2022	1	Tốt
63	Dao hàn mạch	KLS martin	Martin	Đức	2020	2020	1	Tốt
64	Hệ thống mổ nội soi	29003LCG	Karl Storz	Đức	2013	2013	1	Tốt
65	Hệ thống mổ nội soi	UG052	Karl Storz	Đức	2017	2017	2	Tốt
66	Hệ thống mổ nội soi		Karl Storz	Đức	2016	2016	1	Tốt
67	Hệ thống mổ nội soi	UG052	Karl Storz	Đức	2019	2019	1	Tốt
68	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	UL400	Karl Storz	Đức	2022	2022	1	Tốt
69	Đèn mổ cao tần 2 nhánh	StarleD3nx	ACEMSPA	Italy	2017	2017	1	Tốt
70	Đèn mổ treo trần 2 nhánh	KLS martin Group	Kls martin	Đức	2020	2020	1	Tốt
71	Đèn mổ treo trần Berchtold	E550	CHROMO PHARE	Đức	2010	2010	1	Tốt
72	Đèn mổ treo trần 2 nhánh 1 màn hình	Mach Led5MC+ LED 3MC	Dr.Mach GmbH& Co.KG	Đức	2013	2013	1	Tốt
73	Đèn mổ KLD Martin 2 nhánh	KLS martin Group	Martin	Đức	2019	2019	1	Tốt
74	Đèn mổ treo trần 2 nhánh	KLS martin Group	Kls martin	Đức	2022	2022	1	Tốt
75	Bàn mổ đa năng	ROT-170X	Rexmed	Đài Loan	2013	2013	1	Tốt
76	Bàn mổ đa năng	Akrus	Akrus	Germany	2020	2020	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
77	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	EL-OT500	ELPIS	Hàn Quốc	2022	2022	2	Tốt
78	Bàn mổ vạn năng Akrus	LA310000-0021-DE	Linak	Denmark	2018	2018	1	Tốt
79	Bàn mổ vạn năng	ROT-170X	Rexmed	Đài Loan	2013	2013	1	Tốt
80	Bàn mổ vạn năng	CHS-790II	Hàn quốc	Hàn Quốc	2015	2015	1	Tốt
81	Bàn mổ vạn năng	LA310000-0021-DE	Linak	DENMA RK	2018	2018	1	Tốt
82	Bàn mổ vạn năng Takeuchi	TS102	Takeuchi	Japan			1	Tốt
83	Bàn mổ vạn năng Rexmed	ROT-170X	Rexmed	Taiwan	2013	2013	1	Tốt
84	Máy hút dịch sơ sinh	New Askik20	Cami	Italy	2013	2013	4	Tốt
85	Máy hút dịch sơ sinh	Thomas	Thomas	Đức	2013	2013	2	Tốt
86	Máy hút dịch	HTS-6000	Hansung	Hàn Quốc	2020	2020	2	Tốt
87	Máy hút dịch	Fazzini	Fazzini	Italy	2019	2019	4	Tốt
88	Máy hút dịch	Hospivac H-350	Cami	Italy	2016	2016	1	Tốt
89	Máy hút dịch	Novela Extractor	Uzumcu	Turkey	2018	2018	1	Tốt
90	Máy hút dịch	Hospivac H-350	Cami	Italy	2016	2016	1	Tốt
91	Máy hút dịch	Novela Extractor	Uzumcu	Turkey	2019	2019	2	Tốt
92	Máy hút dịch	Novela Extractor	Uzumcu	Turkey	2018	2018	1	Tốt
93	Máy hút dịch	HTS-6000	Hansung	Hàn Quốc	2020	2020	1	Tốt
94	Nội soi khí quản gắn camera		King Vision	China	2019	2019	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
95	Cân sơ sinh	PS3001	LAICA	Italy	2013	2013	3	Tốt
96	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	EPM12	Mindray	Trung Quốc	2024	2024	2	Tốt
97	Máy gây mê kèm thở	Carestation 650 A1	Datex Ohmeda	USA	2025	2025	1	Tốt
98	Dao mổ điện cao tần	Maxium smart C	Kls martin	Đức	2025	2025	1	Tốt
VI	Khoa Đẻ							
99	Monitor theo dõi bệnh nhân	UT4000F	Goldway	USA	2007	2007		Tốt
100	Bơm tiêm điện	TE-SS700	Terumo	Japan	2018	2018	3	Tốt
101	Bơm tiêm điện	TE-SS700	Terumo	Japan	2016	2016	2	Tốt
102	Bơm tiêm điện	HP30	Medcaptain	Trung Quốc	2019	2019	3	Tốt
103	Monitor sản khoa	BT350	Bistor	Korea	2016	2016	2	Tốt
104	Monitor sản khoa	BT350	Bistor	Korea	2019	2019	2	Tốt
105	Monitor sản khoa	BT350	Bistor	Korea	2020	2020	1	Tốt
106	Monitor sản khoa	TEAM3A	SONICAID	UK	2020	2020	1	Tốt
107	Monitor sản khoa	BT-350L	Bistos	Hàn Quốc	2021	2021	2	Tốt
108	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Hàn Quốc	2023	2023	4	Tốt
109	Giường cấp cứu nhi	Wallaby	MTTS	Việt Nam	2019	2019	4	Tốt
110	Máy hút dịch sơ sinh	AT8CP3	Aspeed	Italy	2004	2004	3	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
111	Bàn đẽ đa năng	HFMPB06B	Huifeng	China	2016	2016	1	Tốt
112	Bàn đẽ đa năng	EL- ET200	Elpis	Hàn Quốc	2022	2022	5	Tốt
113	Monitor theo dõi bệnh nhân	EPM12	Mindray	Trung Quốc	2024	2024	2	Tốt
114	Monitor sản khoa	BT-350L	Bistor	Korea	2025	2025	14	Tốt
115	Máy điện tim 6 cần	ECG-1250X	Nihon Kohden	Nhật Bản	2025	2025	2	Tốt
VII Khoa Sản 2								
116	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Korea	2019	2019	1	Tốt
117	Máy điều trị vết thương	Plasma	Plasma	Việt Nam	2019	2019	1	Tốt
118	Máy điều trị vết thương	Plasma	Plasma	Việt Nam	2025	2025	1	Tốt
119	Monitor sản khoa	BT-350L	Bistor	Korea	2025	2025	4	Tốt
VIII Khoa Khám								
120	Dao điện	ZEUS100	ZERONE	Hàn Quốc	2018	2018	1	Tốt
121	Máy soi tử cung	SLC2000A	Gold way	USA	2012	2012	1	Tốt
122	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Hàn Quốc	2019	2019	5	Tốt
123	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Hàn Quốc	2023	2023	1	Tốt
124	Monitor sản khoa	BT-350L	Bistor	Korea	2025	2025	5	Tốt
125	Máy cắt LEEP	LEEP PRECISION	CooperSurgical	USA	2025	2025	1	Tốt
IX	Khoa HTSS và bộ phận khám							

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
	theo yêu cầu							
126	Dao đốt điện	ZEUS100	Zorne	Hàn Quốc	2018	2018	1	Tốt
127	Máy soi cổ tử cung	Leisegang	Leisegang	Germany	2017	2017	1	Tốt
128	Monitor sản khoa	BT350	Bistor	Hàn Quốc	2018	2018	2	Tốt
129	Monitor sản khoa	BT350	Bistos	Korea	2023	2023	2	Tốt
130	Monitor sản khoa	UT3000	Goldway	USA	2012	2012	1	Tốt
131	Máy ly tâm	Kubota2420	Centrifuge	Nhật Bản	2012	2012	1	Tốt
132	Máy phân tích tinh trùng	SQA-VGOLD	Medical Electronic system (Mes)	Iran	2016	2016	1	Tốt
133	Kính hiển vi	DMIL LED	Leica	Đức	2013	2013	1	Tốt
134	Tủ sấy Memmert	HCP108	Memmert	Đức	2013	2013	1	Tốt
135	Bàn khám sản phụ khoa	HFMPPB06B	HFMED	Trung Quốc	2018	2018	3	Tốt
136	Bàn khám sản phụ khoa		HFMED	Đức	2013	2013	1	Tốt
137	Máy điện tim 6 cần	ECG-1250X	Nihon Kohden	Nhật Bản	2025	2025	2	Tốt
138	Monitor sản khoa	BT-350L	Bistor	Korea	2025	2025	2	Tốt
X	Khoa Xét nghiệm							
139	Máy xét nghiệm sinh hoá	BA400	Biosystems	Spain	2013	2013	1	Tốt
140	Máy xét nghiệm miễn dịch	ACCESS2	Beckman	USA	2013	2013	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
			Coulter					
141	Máy ly tâm	Labofuge	Thermo Fisher	Đức	2016	2016	1	Tốt
142	Máy ly tâm	2420	Kubota	Japan	2016	2016	1	Tốt
143	Máy ly tâm	2420	Kubota	Japan	2018	2018	1	Tốt
144	Máy ly tâm	Rotina 380	Hittech	Đức	2013	2013	1	Tốt
145	Máy xét nghiệm đông máu	ACLTOP 350	Instrumentation laboratory	USA	2020	2020	1	Tốt
146	Máy xét nghiệm huyết học	MEK9100	Nihon Kohden	Japan	2020	2020	1	Tốt
147	Máy xét nghiệm nước tiểu	Labureader Plus 2	77 Electronika	Hungary	2018	2018	1	Tốt
148	Máy xét nghiệm nước tiểu	Labureader Plus 2	77 Electronika	Hungary	2019	2019	1	Tốt
149	Kính hiển vi	E100	Nikon	Japan	2018	2018	1	Tốt
150	Kính hiển vi	E200	Nikon	Japan	2018	2018	1	Tốt
151	Máy phân tích và cấy máu	Bact Alert 60	Biomeriux	USA	2013	2013	1	Tốt
152	Tủ sấy	UN75	Memmert	Đức	2015	2015	1	Tốt
153	Tủ sấy	Binder	Binder	Đức	2015	2015	1	Tốt
154	Tủ an toàn sinh học	AC2-4E1	ESCO	Indonesia	2013	2013	1	Tốt
155	Tủ âm sâu lưu giữ bệnh phẩm	LF500	Artiko	Denmark	2013	2013	1	Tốt
156	Tủ lưu mẫu máu 270 lít	BBR 300	Artiko	Denmark	2013	2013	1	Tốt
157	Bàn ôn nhiệt	HI1220	Leica	Đức	2003	2003	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
158	Máy cắt tiêu bản	RM2135	Leica	Đức	2003	2003	1	Tốt
159	Máy cắt tiêu bản lạnh	SLEEMEV	Erbe	Đức	2013	2013	1	Tốt
160	Máy xử lý bệnh phẩm	Thinpnes 2000	Hologic	USA	2018	2018	1	Tốt
161	Máy xử lý mẫu bệnh phẩm	MPS P2005	SLEE	Đức	2013	2013	1	Tốt
162	Nồi hấp tiệt trùng dùng trong phẫu thuật 150L	AE 75DRY	Matachana/Raypa	Spain	2013	2013	1	Tốt
163	Máy định danh vi khuẩn	Vitak 2 compact	Thermo Scientific	United kingdom	2013	2013	1	Tốt
164	Máy cắt tiêu bản quay tay	Pfm rotary 3004M	Pfm Medical AG	Đức	2024	2024	1	Tốt
165	Máy định danh vi khuẩn	Vitak 2 compact	Biomeriux	USA	2025	2025	1	Tốt
XI	Khoa Sơ Sinh							
166	Bể ớn nhiệt BW-20H	BW-20H	Watar Bath	UK	2013	2013	1	Tốt
167	Bơm tiêm điện	TE332	Terumo	Nhật Bản	2013	2013	3	Tốt
168	Bơm tiêm điện	TE331	Terumo	Nhật Bản	2007	2007	1	Tốt
169	Bơm tiêm điện	TES700	Terumo	Nhật Bản	2014	2014	6	Tốt
170	Bơm tiêm điện	TE-SS700	Terumo	Nhật Bản	2013	2013	2	Tốt
171	Bơm tiêm điện	TE-SS700	Terumo	Nhật Bản	2016	2016	3	Tốt
172	Bơm tiêm điện	HP30	Medcaptain	China	2018	2018	4	Tốt
173	Bơm tiêm điện	HP30	Medcaptain	China	2019	2019	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
174	Đèn chiếu vàng da mặt và lưng	Firefly	MTTS	Việt Nam	2019	2019	3	Tốt
175	Đèn chiếu vàng da Daivd	XHZ-90	Daivd	China	2013	2013	5	Tốt
176	Đèn chiếu vàng da Daivd	XHZ-90L	Daivd	China	2013	2013	2	Tốt
177	Đèn chiếu vàng da Bistos	BT400	Bistos	Korea	2015	2015	5	Tốt
178	Giường khám sơ sinh		Việt Nam	Việt Nam	2018	2018	4	Tốt
179	Giường hồi sức sơ sinh Ginevri	Alhenaelevable	GINEVRI	Italy	2013	2013	1	Tốt
180	Giường hồi sức sơ sinh David	HKN-93A	David	Germany	2013	2013	2	Tốt
181	Giường đa chức năng BB Time	BBPHW-VII	Công ty Vĩnh Đạt	Việt Nam	2016	2016	3	Tốt
182	Giường sưởi BB warmer	BBW01	Công ty Vĩnh Đạt	Việt Nam	2016	2016	2	Tốt
183	Giường sưởi	PP800	Drager wekk	Germany	2016	2016	1	Tốt
184	Lồng ấp sơ sinh Mamii	JW-13000	JWBio	Korea	2019	2019	5	Tốt
185	Lồng ấp sơ sinh Mamii	CHS-I1000	JWBio	Korea	2015	2015	1	Tốt
186	Lồng ấp sơ sinh Mamii	CHS-I1000	JWBio	Korea	2016	2016	1	Tốt
187	Lồng ấp sơ sinh David	YP970	Impant	Germany	2013	2013	2	Tốt
188	Máy đo cường độ ánh sáng	Total Meter	Meter	Taiwan	2019	2019	1	Tốt
189	Máy đo nồng độ oxy trong máu	Rad8	Masimo	Nhật Bản	2013	2013	1	Tốt
190	Máy đo nồng độ oxy trong máu	Rad8	Masimo	Nhật Bản	2016	2016	1	Tốt

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (Model)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng sử dụng
191	Máy đo nồng độ oxy trong máu	Rad8	Masimo	Nhật Bản	2013	2013	1	Tốt
192	Máy đo nồng độ oxy trong máu	Rad8	Masimo	Nhật Bản	2015	2015	3	Tốt
193	Máy đo nồng độ oxy trong máu	Rad8	Masimo	Nhật Bản	2016	2016	3	Tốt
194	Máy đo nồng độ oxy trong máu	Rad8	Masimo	Nhật Bản	2012	2012	1	Tốt
195	Máy đo vàng da	MBJ20	MSB	Germany	2018	2018	2	Tốt
196	Máy hút dịch sơ sinh	S1 Classi	David	China	2013	2013	2	Tốt
197	Máy hút dịch sơ sinh	AT8CP/3	CAMI S.R.L	Italy	2004	2004	1	Tốt
198	Máy khử khuẩn không khí	GCS-25	Ainocide	USA	2016	2016	3	Tốt
199	Máy soi tìm ven Asto Dia	DIA120	Stihler	Germany	2018	2018	1	Tốt
200	Máy thở	Benmet 840	Pukitan	Ireland	2013	2013	3	Tốt
201	Máy thở xâm lấn Evolution E3	Evolution E3	Event Medical	Mỹ	2024	2024	2	Tốt
202	Máy truyền dịch	TE-172	Terumo	Nhật Bản	2013	2013	5	Tốt
203	Monitor theo dõi bệnh nhân	MP30	Philips	Germany	2013	2013	2	Tốt
204	Bàn tắm bé	BIS4-2		Việt Nam	2013	2013	2	Tốt
205	Máy đo độ vàng da	BM-100	Ningbo David	Trung Quốc	2025	2025	1	Tốt
206	Máy thở CPAP	BB.CPAP02	Công ty TNHH Vĩnh Đạt	Việt Nam	2025	2025	3	Tốt
207	Máy đo nhĩ lượng	Otowave 202	Amplivox Ltd	POLAND	2025	2025	2	Tốt

IV. Cơ sở vật chất

Cơ sở hạ tầng:

STT	Nội dung	Diện tích đất (m ²)
1	Tổng diện tích bệnh viện	18.072,40
2	Tổng diện tích đất xây dựng	13.050,95
3	Tổng diện tích sàn xây dựng	22.000,19
4	Diện tích sàn sử dụng khám chữa bệnh	12.696,90
5	Diện tích các công trình phụ trợ (nhà xe, nhà ăn, nhà bảo vệ...)	2.744,29
6	Diện tích cây xanh, hạ tầng, đường giao thông	3.574,76

Bệnh viện được giao quản lý và sử dụng tổng diện tích đất là 18.072,4m². Bệnh viện được xây dựng trên diện tích 13.050,95 m², bao gồm 04 khu nhà và các công trình phụ trợ. Tài sản trên đất gồm có:

- 01 Dãy nhà (5 tầng): Khoa Khám bệnh; khoa Xét nghiệm, khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa sản 2, các Phòng chức năng và Ban giám đốc;

- 01 Dãy nhà (4 tầng): Khoa Hỗ trợ sinh sản, khoa Sản 1, khoa Phụ, khoa Sơ sinh, khoa Dược;

- 01 Dãy nhà (3 tầng): Khoa Gây mê Hồi sức, khoa Đẻ- Cấp cứu, CDHA

- 01 Dãy nhà (2 tầng): Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng VTYT;

+ Hạ tầng trực tiếp phục vụ cho khám chữa bệnh:

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)
1	Nhà A - Khu khám và điều hành 5 tầng	5.196,00
2	Nhà B – Khu điều trị bệnh nhân và giảng đường 4 tầng	4.200,00
3	Nhà C - Trung tâm kỹ thuật 3 tầng	3.300,00
	Tổng	12.696,00

+ Khu phụ trợ:

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)
1	Nhà E – Khu cách ly	1.000,80
2	Hành lang nhà cầu	600,00
3	Trung tâm oxy	60,00
4	Nhà xử lý rác thải	20,00
5	Hệ thống xử lý nước thải hoạt động đạt chuẩn quy định.	253,40
6	Nhà bảo vệ	33,80
7	Bể chứa nước BTCT	150,00

STT	Nội dung	Diện tích (m²)
8	02 bể chứa nước xây gạch	202,00
9	Nhà đặt thiết bị và nhà lưu trữ chất thải nguy hại	102,00
10	Đường giao thông	1.500,40
11	Khu đỗ xe	1.464,00
12	02 Trạm biến áp (320KVA), 01 máy phát điện 100	92,00
	Tổng	5.376,40